

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚC YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/DS -ST

Ngày 29 – 9 - 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Nhung và ông Nguyễn Xuân Thịnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST- DS ngày 17 tháng 8 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST - DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐST–DS ngày 23 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Bà Lưu Thị M, sinh năm 1962;

Địa chỉ: TDP C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà M:

Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1992

Là nhân viên của Công ty Luật T.

Địa chỉ: Số 5, ngách 24, ngõ 1, đường Trần Quốc Hoàn, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, có mặt.

-***Bị đơn:*** Công ty D.

Trụ sở: Tổ xx, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Văn Đ, sinh năm 1969; Chức vụ: Giám đốc, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 7 năm 2020, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lưu Thị M trình bày như sau:

Do những năm 2012 bà có xuống Công ty D để giao dịch. Bà được biết Công ty D có nhu cầu vay tiền và trả lãi như Ngân hàng, nên bà đã cho Công ty vay số tiền cụ thể như sau: Năm 2013 bà cho Công ty vay khoảng 78.000.000đ (Bảy mươi tám triệu đồng); năm 2014 bà cho Công ty vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); năm 2015 bà cho Công ty vay 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng); năm 2016 bà cho công ty vay khoảng 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng). Ngày 22 tháng 9 năm 2016 Công ty D đã gộp các khoản vay trên với tổng số tiền 284.000.000đồng (Hai trăm tám mươi tư triệu đồng) vào 01 giấy vay tiền có dấu đỏ và thỏa thuận lãi suất là 4%/năm. Tuy nhiên từ khi viết giấy vay tiền ngày 22/9/2016 cho đến nay, Công ty chưa trả cho bà tiền lãi mà chỉ trả nhỏ giọt tính vào tiền gốc. Tổng số tiền gốc Công ty đã cho bà tính đến hết ngày 02/3/2020 là 18.300.000đồng (Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng), còn khoản lãi từ ngày 22/9/2016 đến nay khoảng hơn 40.000.000đồng thì chưa trả. Bà khẳng định số tiền bà cho Công ty D vay là tiền riêng của bà tích cóp được để dưỡng già, không liên quan đến ông Trần Văn B là chồng bà. Nay bà đề nghị Tòa án buộc Công ty D phải trả cho bà số tiền gốc còn lại là 265.700.000đồng (Hai trăm sáu mươi năm triệu đồng) và khoản tiền lãi của số tiền gốc 265.700.000đồng từ ngày 22/9/2016 đến ngày xét xử lãi suất theo thỏa thuận 4%/năm, với số tiền là 42.710.000đồng; còn số tiền gốc 18.300.000đồng Công ty đã trả bà không yêu cầu phải trả lãi. Nay vì hoàn cảnh gia đình bà hết sức khó khăn, bản thân bà ốm đau, bệnh tật cần tiền thuốc thang, cho nên bà yêu cầu Công ty D phải trả ngay cho bà số tiền trên. Ông Đào Văn Đ giám đốc Công ty D có quan điểm trả cho bà số tiền từ 200.000đ đến 300.000đồng/tháng đến khi trả hết nợ, bà không nhất trí.

Ngày 07/9/2020 Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, ngày 22/9/2020 Tòa án nhận đơn nhờ luật sư tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bà M.

Tại phiên tòa ông Nguyễn Đức H người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lưu Thị M, có quan điểm như sau: Đề nghị Công ty D, người đại diện theo pháp luật là ông Đào Văn Đ phải trả cho bà Lưu Thị M số tiền gốc còn nợ là 265.700.000đồng và khoản tiền lãi của số tiền gốc 265.700.000đồng từ ngày 22/9/2016 đến ngày xét xử, lãi suất theo thỏa thuận 4%/năm là 42.710.000đồng, còn số tiền gốc 18.300.000đồng Công ty D đã trả không yêu cầu phải trả lãi. Bà Lưu Thị M cũng có quan điểm như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà trình bày.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa đại diện theo pháp luật bị đơn ông Đào Văn Đ trình bày: Việc vay nợ giữa Công ty D và bà Lưu Thị M như bà M trình bày là đúng. Ngày 22 tháng 9 năm 2016 Công ty D đã lập giấy vay của bà Lưu Thị M với

số tiền 284.000.000đồng (Hai trăm tám mươi tư triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 4%/năm. Tuy nhiên từ khi viết giấy vay tiền ngày 22/9/2016 cho đến nay, Công ty chưa trả cho bà M tiền lãi theo thỏa thuận, mà chỉ trả vào tiền gốc. Tổng số tiền gốc Công ty đã cho bà tính đến hết ngày 02/3/2020 là 18.300.000đồng (Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng), còn tiền lãi chưa trả. Nay bà M khởi kiện yêu cầu Công ty D trả số tiền gốc là 265.700.000đồng và khoản tiền lãi của số tiền gốc trên từ ngày 22/9/2016 đến ngày xét xử là 42.710.000đồng, ông nhất trí. Nhưng nay do tình hình kinh tế gặp nhiều khó khăn, nên ông đề nghị Công ty xin trả dần cho bà M mỗi tháng từ 200.000đồng đến 300.000đồng cho đến khi trả xong nợ. Việc bà M trình bày về quá trình gửi tiền cho Công ty từ năm 2013, năm 2014, năm 2015 do lâu ngày ông không nhớ. Quan điểm của ông Công ty D đã chốt việc vay nợ với bà M theo giấy đảm bảo ngày 22/9/2016 với số tiền vay 284.000.000đồng (Hai trăm tám mươi tư triệu đồng).

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Bị đơn và nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469, khoản 2 Điều 357 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty D phải trả cho bà Nguyễn Thị Mão số tiền gốc 265.700.000đồng và số tiền lãi là 42.710.000đồng.

Về án phí: Công ty D phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 30 tháng 7 năm 2020, nguyên đơn là bà Lưu Thị M có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty D do ông Đào Văn Đ làm Giám đốc, có trụ sở: Tổ xx, đường T, phường T, thành phố P, tỉnh Vĩnh Phúc

trả nợ cho bà theo giấy vay tiền ngày 22/9/2016. Nên Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 26; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trong vụ án này nguyên đơn là bà Lưu Thị M và bị đơn là Công ty D do ông Đào Văn Đ làm giám đốc đều thừa nhận tại giấy vay tiền ngày 22/9/2016 nguyên đơn có cho bị đơn vay tổng số tiền 284.000.000đồng (Hai trăm tám mươi tư triệu); lợi nhuận 4% năm. Số tiền gốc bị đơn đã trả hết ngày 02/3/2020 là 18.300.000đồng (Mười tám triệu ba trăm nghìn đồng), hiện bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 265.700.000đồng và tiền lãi suất từ ngày 22/9/2016 cho đến ngày xét xử. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định hợp đồng vay tài sản là có thật, Hội đồng xét xử công nhận nội dung trên. Như vậy ở vụ án này các đương sự đều thống nhất được tổng số tiền bị đơn vay nguyên đơn, số tiền gốc đã trả, số tiền gốc bị đơn còn nợ nguyên đơn và từ ngày 22/9/2016 đến ngày xét xử vụ án bị đơn vẫn chưa trả lãi suất cho nguyên đơn. Nhưng các đương sự không thống nhất được phương thức, thời hạn thanh toán tiền, nên vụ án phải xét xử theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bà Lưu Thị M khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty D trả số tiền gốc còn nợ là 265.700.000đồng và lãi suất thỏa thuận 4%/năm của số tiền gốc 265.700.000đồng từ ngày 22/9/2016 đến ngày xét xử, là 42.710.000đồng; còn số tiền gốc 18.300.000đồng bị đơn đã trả, nguyên đơn không yêu cầu phải trả lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy trong giấy vay tiền ngày 22/9/2016 các bên có thỏa thuận lãi suất 4% năm, thỏa thuận này là phù hợp với quy định của pháp luật; trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lưu Thị M không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất cho khoản tiền gốc 18.300.000đồng là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vay lãi suất của khoản tiền gốc 265.700.000đồng từ ngày 22/9/2016 đến ngày xét xử 29/9/2020 là 04 năm 07 ngày, số tiền lãi là 42.710.000đồng (Bốn mươi hai triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

Nay cần buộc Công ty D phải trả cho bà Lưu Thị M số tiền nợ gốc là 265.700.000đồng và tiền lãi là 42.710.000đồng, tổng là 308.410.000đồng (Ba trăm linh tám triệu bốn trăm mười nghìn đồng).

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Vì toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn là Công ty D phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $308.410.000\text{đồng} \times 5\% = 15.420.500\text{đồng}$ (Mười năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí mà bà Lưu Thị M đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 469, khoản 2 Điều 357 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Buộc Công ty D có nghĩa vụ trả cho bà Lưu Thị M số tiền là: 308.410.000đồng (Ba trăm linh tám triệu bốn trăm mười nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 265.700.000đồng, tiền lãi là 42.710.000đồng, theo giấy vay tiền ngày 22/9/2016 giữa Công ty D với bà Lưu Thị M.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thanh toán tiền thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty D phải chịu số tiền án phí sơ thẩm là 15.420.500đồng (Mười năm triệu bốn trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

Hoàn lại bà Lưu Thị M số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 6.642.500đồng (Sáu triệu sáu trăm bốn mươi hai nghìn năm trăm đồng), theo biên lai thu số AA/2017/0008685 ngày 17/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phúc Yên.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát thành phố Phúc Yên;
- Chi cục THADS thành phố Phúc Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

LƯU THỊ THÚY